

BỘ LÂM NGHIỆP-BỘ TÀI
CHÍNH-NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC
Số: 10/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 1982

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ LÂM NGHIỆP - TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

SỐ 10/TT-LB NGÀY 13 THÁNG 3 NĂM 1982 HƯỚNG DẪN THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 88/HĐBT NGÀY 24-9-1981

CỦA HỘI ĐỒNG

BỘ TRƯỞNG VỀ LẬP QUỸ NUÔI RỪNG.

Ngày 24 tháng 9 năm 1981 Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 88-HĐBT về việc lập quỹ nuôi rừng.

Để thi hành quyết định trên Liên Bộ Lâm Nghiệp - Tài chính đã ra quyết định về việc thu tiền nuôi rừng. Nay liên Bộ Lâm nghiệp - Tài chính - Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc lập và sử dụng quỹ nuôi rừng như sau,

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

- Quỹ nuôi rừng là một bộ phận của ngân sách Trung ương được hình thành từ khoản thu tiền nuôi rừng (sau khi đã trừ 10% nộp ngân sách địa phương) và chuyên dùng cho các việc đã quy định trong Điều 5 Quyết định số 88-HĐBT (dưới đây gọi tắt là vốn xây dựng rừng và kinh phí bảo vệ rừng). Nhà nước giao cho Bộ Lâm nghiệp tổ chức, chỉ đạo lập và sử dụng quỹ nuôi rừng để xây dựng và bảo vệ rừng một cách có hiệu quả.
- Quỹ nuôi rừng được sử dụng thống nhất cho nhu cầu cả nước bao gồm nhu cầu của các đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương và nhu cầu của các đơn vị tổ chức thuộc địa phương quản lý theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và phải quản lý theo quy định tại Thông tư liên bộ số 26-TT/LB ngày 17-7-1981 và hướng dẫn trong Thông tư liên bộ này.

II. NỘI DUNG THU VÀ CHI QUỸ NUÔI RỪNG

A. NGUỒN THU CỦA QUỸ NUÔI RỪNG

- Tiền nuôi rừng thu được từ các loại sản phẩm lấy ở rừng. Mức thu của từng loại được quy định cụ thể trong Quyết định số 1101-QĐ/LB ngày 23-10-1981 của liên bộ Lâm nghiệp - Tài

chính và các văn bản được bổ sung tiếp theo.

2. Tiền phạt và các khoản bồi thường do việc xử lý các vụ phạm pháp về lâm nghiệp.

B. PHẦN CHI CỦA QUỸ NUÔI RỪNG

Quỹ nuôi rừng được chi cho việc sau đây:

1. Chi sự nghiệp.

Chi công tác quản lý rừng:

- Chi xác định ranh giới giữa lâm phận rừng các loại để xây dựng thành tiểu khu rừng;
- Chi về giao đất giao rừng cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, các đơn vị kinh tế quốc doanh ngoài lâm nghiệp, cơ quan, quân đội, trường học theo đúng chủ trương chính sách của Nhà nước.

Chi cho công tác bảo vệ rừng:

- Chi phòng chống cháy rừng;
- Chi phòng trừ sâu bệnh;
- Chi huấn luyện lực lượng quần chúng bảo vệ rừng và tuyên truyền nhân dân bảo vệ rừng.
- Chi cho lực lượng kiểm lâm nhân dân và các cán bộ bán chuyên trách về quản lý bảo vệ rừng theo chính sách chế độ của Nhà nước.

b) Chi cho việc điều chế rừng:

- Xây dựng phương án chương trình điều chế;
- Áp dụng phương án chương trình điều chế vào thực địa bao gồm công tác lâm sinh trước và sau khai thác hàng năm.

c) Chi hỗ trợ nhân dân trồng cây phân tán, thực hiện theo nguyên tắc dân trồng, dân hưởng, Nhà nước hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng đơn vị điển hình, xây dựng vườn ươm, và bù lỗ cho các đơn vị cung cấp giống, cây con khi cần thiết.

2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản

a) Chi trồng rừng mới, phủ xanh đồi trọc.

b) Chi tu bổ, cải tạo tái sinh rừng tự nhiên.

c) Chi đầu tư góp vốn cùng hợp tác xã, tập đoàn sản xuất trong các vùng quy hoạch trồng rừng tập trung đã được giao đất giao rừng nhằm cung cấp nguyên liệu cho Nhà nước (dưới đây gọi tắt là Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất).

d) Chỉ cho công tác xây dựng cơ bản nhằm phục vụ cho việc trồng, chăm sóc, tu bổ, cải tạo, quản lý và bảo vệ rừng như xây vườn ươm cây con, đường sá, thủy lợi, nhà cửa (nhà ở, nhà làm việc, nhà kho, hội trường, câu lạc bộ, trạm xá, bệnh xá, trường học ...), mua sắm máy móc thiết bị và tài sản cố định khác.

3. Các khoản chi tiêu nói trên căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật, tài chính do Bộ Lâm nghiệp quy định. Riêng định mức tài chính Bộ Lâm nghiệp cần thỏa thuận với Bộ Tài chính trước khi ban hành.

Các đơn vị không được dùng quỹ nuôi rừng chi vào việc khác ngoài các quy định trên đây, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) không dự toán và cấp phát cho các nội dung chi tiêu nói trên trừ trường hợp Bộ Lâm nghiệp chuyển tiền và ủy nhiệm cho ngân sách địa phương cấp phát.

III. TỔ CHỨC LẬP KẾ HOẠCH, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ QUYẾT TOÁN KẾT QUẢ THU VÀ CHI QUỸ NUÔI RỪNG

1. Lập kế hoạch thu và chi quỹ nuôi rừng.

Từng thời kỳ kế hoạch Bộ lâm nghiệp chỉ đạo việc lập kế hoạch thu và chi quỹ nuôi rừng, đồng thời với kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản, sự nghiệp bảo vệ rừng trong toàn ngành. Bộ Lâm nghiệp giao số kiểm tra thu và chi hướng dẫn, xét duyệt và giao nhiệm vụ kế hoạch cho các sở, Ty lâm nghiệp và các đơn vị trực thuộc. Các Sở, Ty lâm nghiệp và các đơn vị trực thuộc giao số kiểm tra, hướng dẫn xét duyệt và giao nhiệm vụ kế hoạch cho các đơn vị thuộc mình quản lý.

a) Kế hoạch thu, nộp:

- Các đơn vị kinh tế quốc doanh lâm nghiệp trực tiếp khai thác lâm sản, căn cứ vào số kiểm tra và hướng dẫn của cơ quan chủ quản cấp trên để lập kế hoạch nộp tiền nuôi rừng.
- Các đơn vị thuộc lực lượng kiểm lâm nhân dân căn cứ vào khả năng vốn rừng hiện có và tình hình khai thác lâm sản dự kiến mức độ có thể cho phép các đơn vị quốc doanh, ngoài quốc doanh khai thác lâm nghiệp và các tập thể, cá thể khai thác sản phẩm của rừng trong khu vực mình quản lý để lập kế hoạch thu, nộp tiền nuôi rừng.

Sau khi được cơ quan chủ quản cấp trên duyệt kế hoạch thu, nộp tiền nuôi rừng thì đơn vị có kế hoạch được duyệt phải thông báo trong phạm vi 10 ngày (kể từ khi đơn vị nhận được thông báo duyệt) cho cơ quan tài chính địa phương biết.

b) Kế hoạch chi:

Chi về sự nghiệp.

Căn cứ để xây dựng kế hoạch chi về sự nghiệp thuộc quỹ nuôi rừng và biên chế của lực lượng kiểm lâm nhân dân, là dự toán chi phí của đơn vị sự nghiệp khác tính theo từng dịch vụ và khối lượng công việc của các đơn vị đó phụ trách trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật, tài chính đã được cấp có thẩm quyền quy định.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản.

Kế hoạch vốn xây dựng cơ bản phải lập theo nhiệm vụ kế hoạch và dự toán về công trình hoặc hạng mục công trình phải đưa vào sử dụng trong năm theo quy định trong điều lệ xây dựng cơ bản hiện hành.

2. Tổng hợp kế hoạch thu, chi quỹ nuôi rừng.

a) Các cơ quan chủ quản cấp trên, đơn vị trực thuộc Bộ quản lý có trách nhiệm xét duyệt, tổng hợp kế hoạch thu, chi quỹ nuôi rừng của các cơ sở thuộc mình quản lý kịp thời gửi về Bộ xét duyệt theo đúng quy định của Bộ Lâm nghiệp (nếu không có cơ quan chủ quản cấp trên thì các đơn vị trực thuộc lập và gửi kế hoạch trực tiếp về Bộ xét duyệt).

b) Sở, Ty lâm nghiệp có trách nhiệm xét duyệt và tổng hợp kế hoạch thu chi quỹ nuôi rừng của các đơn vị thuộc địa phương quản lý (gồm cả phần quốc doanh, hợp tác xã và phần hỗ trợ nhân dân trồng cây, nếu có) trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương cho ý kiến trước khi gửi về Bộ Lâm nghiệp.

c) Bộ lâm nghiệp có trách nhiệm xét duyệt kế hoạch cho các địa phương, các đơn vị trực thuộc và tổng hợp kế hoạch thu và chi quỹ nuôi rừng toàn ngành trong kế hoạch chung của Bộ gửi ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính để xem xét, cân đối chung trong kế hoạch đầu tư của Nhà nước và dự toán ngân sách Nhà nước.

Các Kế hoạch nói trên phải phân chia ra từng quý theo từng loại: các đơn vị quốc doanh thuộc trung ương quản lý, các đơn vị quốc doanh thuộc địa phương quản lý; tập thể, cá thể; phần

đầu tư xây dựng cơ bản, phần kinh phí sự nghiệp theo đúng biểu mẫu và thời gian quy định của Bộ Lâm nghiệp.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch

Căn cứ kế hoạch đã được Hội đồng Bộ trưởng duyệt, Bộ Lâm nghiệp thông báo kế hoạch năm (có chia 4 quý) về thu, chi quỹ nuôi rừng cơ tầng Sở, Ty lâm nghiệp từng đơn vị trực thuộc báo phần xây dựng cơ bản cho ngân hàng đầu tư, phần thu quỹ nuôi rừng cho Ngân hàng Nhà nước biết.

Căn cứ vào tiến độ thực hiện của các đơn vị và các địa phương, Bộ Lâm nghiệp điều hoà vật tư, tiền vốn từ nơi thừa sang nơi thiếu trong phạm vi tổng mức đã được Nhà nước duyệt, sau khi đã tham khảo ý kiến của địa phương và thông báo kịp thời cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước biết.

a) Tổ chức thu nộp tiền nuôi rừng.

Các đơn vị có trách nhiệm nộp tiền nuôi rừng phải nộp đúng thời gian và thể lệ đã quy định. Mỗi lần nộp tiền vào quỹ nuôi rừng, các đơn vị phải tiến hành đồng thời nộp 10% vào ngân sách địa phương. Trên giấy nộp tiền vào quỹ nuôi rừng (90%) phải ghi chú số tiền đã nộp vào ngân sách địa phương cùng lần để thay báo cáo.

Đối với đơn vị kinh tế quốc doanh lâm nghiệp.

Tiền nuôi rừng (90%) nộp quỹ nuôi rừng trung ương (do Bộ Lâm nghiệp quy định cụ thể cho phù hợp từng loại hình xí nghiệp) bằng chuyển khoản, đồng thời nộp vào ngân sách địa phương 10% bằng giấy nộp tiền tính theo từng kỳ nộp; mỗi tháng nộp 2 kỳ theo kế hoạch, kì 1 từ ngày 1 đến ngày 5 nộp từ 40 đến 50% kế hoạch, kì 2 từ ngày 15 đến ngày 20 nộp từ 60 đến 50% kế hoạch và thanh toán số nộp theo thực tế sau khi được cơ quan kiểm lâm nhân dân xác nhận. Hàng tháng đơn vị phải báo cáo cho cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan tài chính trực tiếp tình hình thực hiện nộp tiền nuôi rừng và thông báo cho cơ quan kiểm lâm nhân dân quản lý khu vực biết. Các chi cục và hạt kiểm lâm nhân dân có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các đơn vị kinh tế quốc doanh lâm nghiệp nộp đúng và đủ tiền nuôi rừng cho quỹ nuôi rừng trung ương và ngân sách địa phương.

Đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh ngoài ngành lâm nghiệp và các cơ quan, quân đội, các tổ chức tập thể, cá thể được phép khai thác lâm sản đặc sản rừng.